

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST

Ngày: 06/5/2025.

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa.

2. Bà Trần Thị Chín.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 229/2024/TLST – DS ngày 21 tháng 11 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-DS, ngày 15/4/2025, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Điều KH, sinh năm 1995. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn B, xã BM, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thùy D1, sinh năm 1981. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 3, xã MH, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Thị D, sinh năm 1999. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn B, xã BM, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/8/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Điều KH trình bày: Ông quen biết bà Nguyễn Thị Thùy D1 do bà D1 thu mua nông sản tại địa phương.

Từ ngày 25 đến ngày 27/10/2022 vợ chồng ông bán cà phê tươi cho bà Nguyễn Thị Thùy D1 với số lượng 4659kg x giá 8.200 đồng/kg = 38.097.000 đồng. Bà D1 đã trả được 15.000.000 đồng, còn nợ lại là 23.097.000 đồng (làm tròn là 23.000.000 đồng). Khi giao dịch mua bán thì hai bên tự ghi số liệu các mã cân hàng vào sổ, nhưng không có xác nhận của nhau. Phía bà D1 đưa ra thông tin bán xong hàng sẽ trả, nhưng sau đó không trả. Vợ chồng ông đã nhiều lần đến nhà yêu cầu trả nhưng bà D1 cứ khất lần. Đến ngày 14/11/2023 ông cùng với ông Điều Plố (là anh rể) của đến nhà bà D1 yêu cầu trả, được bà D1 hứa trả vào cuối tháng 12/2023 nên ông Điều Plố viết nội dung nêu trên vào sổ ghi chép của vợ chồng ông, rồi bà D1 ký ghi rõ họ tên dưới mục "Người trả" (tức là người có trách nhiệm trả). Tuy nhiên, quá thời hạn trả thì phía bà D1 vẫn không thực hiện.

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D1 trả lại số tiền cà phê còn nợ lại là 23.000.0000 đồng, cùng với lãi suất chậm trả tiền là 1.5%/tháng kể từ ngày 27/10/2022 cho đến khi xét xử xong vụ việc. Do tài sản là của vợ chồng (vợ Thị D) nên đề nghị bà D1 trả lại cho vợ chồng ông.

Tại phiên tòa trình bày: Giữ nguyên yêu cầu trả số tiền mua cà phê tươi còn nợ lại là 23.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán với lãi suất là 10%/ năm cho đến khi bà D1 thanh toán xong.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D1 tại bản tự khai ngày 21/3/205 trình bày:** Xác định có mua bán với anh Điều KH và còn số tiền chưa trả. Do bị bệnh không có tiền trả, nay xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác, đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị D trình bày: Bà là vợ ông Điều KH, thông nhất theo toàn bộ nội dung trình bày và yêu cầu của ông Điều KH.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc trả số tiền gốc và lãi suất phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về yêu cầu trả số tiền mua bán cà phê còn nợ lại 23.000.000 đồng:

Căn cứ tài liệu là sổ ghi chép của ông Điều KH nộp cho Tòa án, Hội đồng xét xử nhận thấy từ trang 3 đến trang 6 có nội dung từ ngày 25 đến ngày 27/10/2022 bà D1 mua cà phê tươi của ông Điều KH tổng cộng 4646,2kg x giá 8.200 đồng/kg = 38.098.840 đồng, nhưng các bên thống nhất làm tròn số là

38.097.000 đồng. Bà D1 đã trả được 15.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại là 23.097.000 đồng, rồi hai bên thống nhất làm tròn số là 23.000.000 đồng.

Ngày 14/11/2023 ông KH và ông Điều P đến yêu cầu bà D1 trả và bà D1 gia hạn trả cuối tháng 12/2023 nhưng sau đó không trả. Nay bị đơn xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý. Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn còn nợ lại vợ chồng nguyên đơn số tiền mua cà phê chưa thanh toán là 23.000.000 đồng. Số tiền trên đã quá hạn trả từ khi nhận hàng, nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 1.5%/tháng từ ngày 27/10/2022 cho đến khi bị đơn trả xong, nhưng tại phiên tòa yêu cầu tính 10%/năm.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ nội dung sổ ghi chép của phía nguyên đơn được bị đơn xác nhận thì không thể hiện thỏa thuận lãi suất chậm trả nên chỉ có cơ sở chấp nhận mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 357 và tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu 10%/năm/số tiền 23.000.000 đồng là phù hợp với mức lãi suất theo quy định của điều luật và được tính cụ thể như sau:

Tiền lãi suất phát sinh do chậm trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 23.000.000 đồng (Số tiền gốc chưa trả) x 10%/năm (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015) x 52 tháng 08 ngày (thời gian chậm trả tiền mua bán từ ngày 27/10/2022 đến ngày 06/5/2024) = 9.977.704 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền mua hàng chưa trả và lãi cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 32.977.704 đồng, làm tròn là 32.977.000 đồng.

[2] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy D1 phải trả cho vợ chồng ông Điều KH bà Thị Đ số tiền mua bán cà phê và lãi chậm trả tổng cộng là 32.977.000 đồng.

2. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu 1.648.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả lại cho anh Điều KH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 747500 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009477 ngày 21/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
 - VKSND huyện B;
 - CCTHADS huyện B;
 - Người tham gia tố tụng;
 - Lưu HS;
- (Số lượng: 08 bản).

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình